

HKSSF All Hong Kong Inter-Primary School Squash Competition 2018-2019

Division : Boys A Grade (男子甲組)
Date : 2018/12/01, 2018/12/02, 2018/12/08
Venue : Hong Kong Squash Centre (No.23 Cotton Tree Drive, Hong Kong)
 香港壁球中心 (香港金鐘紅棉路23號)

Main Draw 主要賽事 (Revised on 26/11/2018) (TOP HALF)

| Round 1 | Round 2 | Round 3 | Quarter-Finals | Semi-Finals | Final |
|---|---|--|---|--|--|
| Lau Si Chun 劉錫進 (基福)(1) -- | Lau Si Chun 劉錫進 (基福)(1) 2018-12-01 / 17:20 / Crt 9 TBC | TBC 2018-12-02 / 14:00 / Crt 9 TBC | TBC 2018-12-02 / 16:00 / Crt 9 TBC | TBC 2018-12-08 / 13:20 / Crt 9 | TBC |
| Lau Melvin Ka Cheuk 劉珈卓 (救恩) 2018-12-01 / 11:00 / Crt 7 Mai Chin Fung 麥展鋒 (聖文德) | | | | | |
| Ting Tin Yuet 丁天悅 (培正) 2018-12-01 / 11:00 / Crt 11 Yan Pun Kit 甄本潔 (嘉諾撒) -- | TBC 2018-12-01 / 17:20 / Crt 8 Chung Will Ho Yin 鍾浩然 (田千) (9/16) | TBC 2018-12-02 / 14:00 / Crt 8 TBC | TBC 2018-12-02 / 16:00 / Crt 9 TBC | TBC 2018-12-08 / 13:20 / Crt 9 | TBC |
| Chung Will Ho Yin 鍾浩然 (田千) (9/16) | | | | | |
| Leung Yin To 梁彥韜 (浸聯) (9/16) -- | Leung Yin To 梁彥韜 (浸聯) (9/16) 2018-12-01 / 17:20 / Crt 7 TBC | TBC 2018-12-02 / 14:00 / Crt 8 TBC | TBC 2018-12-02 / 16:00 / Crt 9 TBC | TBC 2018-12-08 / 13:20 / Crt 9 | CHAMPION 2018-12-08 / 13:20 / Crt 9 |
| Wong Yik Hong 王翊匡 (聖約瑟) 2018-12-01 / 11:00 / Crt 10 Leung Ho Chun 梁浩俊 (青松) | | | | | |
| Leung Lok Chun 梁樂進 (嘉諾撒) 2018-12-01 / 11:00 / Crt 5 Fong Chin Chun Matheus 方展晉 (喇沙) -- | TBC 2018-12-01 / 17:20 / Crt 11 Cheung Ka Hin 張嘉軒 (聖約瑟) (5/8) | TBC 2018-12-02 / 14:00 / Crt 8 TBC | TBC 2018-12-02 / 16:00 / Crt 9 TBC | TBC 2018-12-08 / 13:20 / Crt 9 | TBC |
| Cheung Ka Hin 張嘉軒 (聖約瑟) (5/8) | | | | | |
| Lai Chun Lam 賴俊霖 (聖約瑟) (5/8) -- | Lai Chun Lam 賴俊霖 (聖約瑟) (5/8) 2018-12-01 / 17:20 / Crt 10 TBC | TBC 2018-12-02 / 14:00 / Crt 7 TBC | TBC 2018-12-02 / 16:00 / Crt 9 TBC | TBC 2018-12-08 / 13:20 / Crt 9 | TBC |
| Law Ka To 羅嘉濤 (浸聯) 2018-12-01 / 11:00 / Crt 4 Ng Sui Hang 吳萃恒 (荃商) | | | | | |
| Kwok Yiu Hung 郭耀鴻 (聖安多尼) 2018-12-01 / 11:00 / Crt 3 Yeung Hao Lang Cyrus 楊鎬朗 (拔萃男附小) -- | TBC 2018-12-01 / 17:20 / Crt 5 Wong Long Hin Larry 黃朗軒 (基福) (9/16) | TBC 2018-12-02 / 14:00 / Crt 7 TBC | TBC 2018-12-02 / 16:00 / Crt 8 TBC | TBC 2018-12-08 / 13:20 / Crt 9 | 3/4 PLAYOFF 2018-12-08 / 12:20 / Crt 9 |
| Wong Long Hin Larry 黃朗軒 (基福) (9/16) | | | | | |
| Ho Sheung Chit 何尚哲 (基福) (9/16) -- | Ho Sheung Chit 何尚哲 (基福) (9/16) 2018-12-01 / 17:20 / Crt 4 TBC | TBC 2018-12-02 / 14:00 / Crt 11 TBC | TBC 2018-12-02 / 16:00 / Crt 9 TBC | TBC 2018-12-08 / 13:20 / Crt 9 | TBC |
| Tsang Tin Lok 曾天樂 (培正) 2018-12-01 / 11:00 / Crt 2 Kok Shu Kin 郭書鍵 (聖若瑟英文) | | | | | |
| Yu Solomon Harry 余珀堅 (喇沙) 2018-12-01 / 11:20 / Crt 9 Chan Ka Yeung 陳嘉揚 (聖安多尼) -- | TBC 2018-12-01 / 17:20 / Crt 3 Chung Sheung Chi Keith 鍾尚志 (田千) (3/4) | TBC 2018-12-02 / 14:00 / Crt 11 TBC | TBC 2018-12-02 / 16:00 / Crt 9 TBC | TBC 2018-12-08 / 13:20 / Crt 9 | TBC |
| Chung Sheung Chi Keith 鍾尚志 (田千) (3/4) | | | | | |

HKSSF All Hong Kong Inter-Primary School Squash Competition 2018-2019

Division : Boys A Grade (男子甲組)
Date : 2018/12/01, 2018/12/02, 2018/12/08
Venue : Hong Kong Squash Centre (No.23 Cotton Tree Drive, Hong Kong)
 香港壁球中心 (香港金鐘紅棉路23號)

Main Draw 主要賽事 (Revised on 26/11/2018) (BOTTOM HALF)

| Round 1 | Round 2 | Round 3 | Quarter-Finals | Semi-Finals | Final |
|---|--|--|---|--|--|
| Kwan Wan Hei 關允曦 (基福) (3/4) -- | Kwan Wan Hei 關允曦 (基福) (3/4) 2018-12-01 / 17:20 / Crt 2 TBC | TBC 2018-12-02 / 14:00 / Crt 10 TBC | TBC 2018-12-02 / 16:00 / Crt 7 TBC | TBC 2018-12-02 / 10:20 / Crt 8 TBC | TBC |
| Tseng O Him 曾傲謙 (田千) 2018-12-01 / 11:20 / Crt 8 So Tsun 蘇浚 (九龍塘宣道) | | | | | |
| Cheung Chun Long Arion 張俊朗 (喇沙) 2018-12-01 / 11:20 / Crt 7 Chan Cheuk Nam Ryan 陳卓男 (天水圍靈愛) | TBC 2018-12-01 / 17:40 / Crt 9 Liu Sung Yan 廖崇恩 (浸聯) (9/16) | TBC 2018-12-02 / 14:00 / Crt 5 TBC | TBC 2018-12-02 / 14:00 / Crt 4 TBC | TBC 2018-12-02 / 16:00 / Crt 11 TBC | TBC |
| -- Liu Sung Yan 廖崇恩 (浸聯) (9/16) | | | | | |
| Chan Leong Wai 陳亮璋 (聖安多尼) (9/16) -- | Chan Leong Wai 陳亮璋 (聖安多尼) (9/16) 2018-12-01 / 17:40 / Crt 8 TBC | TBC 2018-12-02 / 14:00 / Crt 5 TBC | TBC 2018-12-02 / 14:00 / Crt 4 TBC | TBC 2018-12-02 / 16:00 / Crt 11 TBC | TBC |
| Kwok Kin Hang 郭建恒 (嘉諾撒) 2018-12-01 / 11:20 / Crt 11 Wong Hong Ming 王康銘 (拔萃男附小) | | | | | |
| Fung Long Yiu 馮朗耀 (拔萃男附小) 2018-12-01 / 11:20 / Crt 10 Su Chi To 蘇智滔 (嘉諾撒) | TBC 2018-12-01 / 17:40 / Crt 7 Cheng Ting To Brogan 鄭銳濤 (聖約瑟) (5/8) | TBC 2018-12-02 / 14:00 / Crt 3 TBC | TBC 2018-12-02 / 14:00 / Crt 4 TBC | TBC 2018-12-02 / 16:00 / Crt 11 TBC | TBC |
| -- Cheng Ting To Brogan 鄭銳濤 (聖約瑟) (5/8) | | | | | |
| Ma Kin Fung 馬健峯 (沙官) (5/8) -- | Ma Kin Fung 馬健峯 (沙官) (5/8) 2018-12-01 / 17:40 / Crt 11 TBC | TBC 2018-12-02 / 14:00 / Crt 3 TBC | TBC 2018-12-02 / 14:00 / Crt 4 TBC | TBC 2018-12-02 / 16:00 / Crt 11 TBC | TBC |
| Wong Chak Sum Ocean 王澤森 (田千) 2018-12-01 / 11:20 / Crt 5 Ngai Tsz Yiu Ethan 魏子堯 (救恩) | | | | | |
| Lam Wai Yim 林偉琰 (聖若瑟英文) 2018-12-01 / 11:20 / Crt 4 Cheuk Chun Fung 卓震鋒 (喇沙) | TBC 2018-12-01 / 17:40 / Crt 10 Lau Sai Wa 劉世華 (基福) (9/16) | TBC 2018-12-02 / 14:00 / Crt 3 TBC | TBC 2018-12-02 / 14:00 / Crt 4 TBC | TBC 2018-12-02 / 16:00 / Crt 11 TBC | 3/4 PLAYOFF 2018-12-08 / 12:20 / Crt 9 |
| -- Lau Sai Wa 劉世華 (基福) (9/16) | | | | | |
| Chan Ho Wang Owen 陳浩宏 (浸聯) (9/16) -- | Chan Ho Wang Owen 陳浩宏 (浸聯) (9/16) 2018-12-01 / 17:40 / Crt 5 TBC | TBC 2018-12-02 / 14:00 / Crt 3 TBC | TBC 2018-12-02 / 14:00 / Crt 4 TBC | TBC 2018-12-02 / 16:00 / Crt 11 TBC | TBC |
| Or Yat Nam Matthew 柯逸男 (聖文德) 2018-12-01 / 11:20 / Crt 3 Li Kwan Yiu Max 李鈞耀 (荃商) | | | | | |
| Leung Ching Ho 梁鈺灝 (青松) 2018-12-01 / 11:20 / Crt 2 Lo Tsz Yau 勞子祐 (培正) | TBC 2018-12-01 / 17:40 / Crt 4 Mak Tsun Hei 麥浚熙 (救恩) (2) | TBC 2018-12-02 / 14:00 / Crt 3 TBC | TBC 2018-12-02 / 14:00 / Crt 4 TBC | TBC 2018-12-02 / 16:00 / Crt 11 TBC | TBC |
| -- Mak Tsun Hei 麥浚熙 (救恩) (2) | | | | | |